

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: *1466* /CV-VPHQQT.24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày *05* tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 04/4/2024, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Biên bản họp và nghị quyết đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <https://acb.com.vn/nha-dau-tu> từ 05/4/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP HDQT, P TH.



Đàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2024

I. TỔNG QUÁT

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp:

- Tên: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số doanh nghiệp: 0301452948.

2. Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 04 tháng 4 năm 2024.

3. Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- 4.1 Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu (sau đây gọi là Đại hội) vào lúc 08 giờ 32 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 538 cổ đông, đại diện cho 2.147.387.238 cổ phần, tương ứng với 55,29% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

4.2 Khách mời:

Đại diện của các cơ quan chức năng:

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH KPMG (Việt Nam).

5. Chủ tọa đoàn:

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Từ Tiến Phát, Tổng giám đốc.

6. Các thành viên HĐQT và BKS:

- HĐQT: Các ông Đàm Văn Tuấn, Đỗ Minh Toàn, Nguyễn Văn Hòa và Trịnh Bảo Quốc tham dự trực tiếp; bà Đặng Thu Thủy tham dự trực tuyến.
 - BKS: Bà Nguyễn Thị Minh Lan và bà Hoàng Ngân tham dự trực tiếp.
7. Ông Lê Thanh Hải, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia, số cổ phần đại diện, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết, xác định Đại hội có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.
 8. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Đại hội, phát biểu khai mạc.
 9. Chủ tọa đoàn chỉ định Thư ký Đại hội: Bà Phan Lạc Kim Trinh, Thư ký công ty.
 10. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban tổ chức Đại hội, thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình họp Đại hội.
 11. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.
 12. Ông Đàm Văn Tuấn, thừa ủy nhiệm Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm có Trưởng Ban là ông Nguyễn Hồng Tàn (Trưởng phòng Pháp chế), và các thành viên là bà Nguyễn Thị Nhật Huyền (Phó phòng Tuân thủ) và ông Huỳnh Văn Sơn (Chuyên viên Văn phòng HĐQT.)
 13. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100%; không tán thành là 0%; và không có ý kiến là 0%.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. **Đọc Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.**
2. **Cổ đông biểu quyết về Quy chế biểu quyết bằng tờ biểu quyết.**
3. **Đọc các báo cáo và tờ trình.**
 - 3.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;
 - 3.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023;
 - 3.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023;
 - 3.4 Phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024;
 - 3.5 Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
 - 3.6 Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;
 - 3.7 Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
 - 3.8 Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
4. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.**

Kết quả: Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế biểu quyết. *(Biên bản kiểm phiếu về Quy chế biểu quyết đính kèm.)*

5. Đại hội thảo luận các vấn đề tại Mục II.3

- Cổ đông nêu ý kiến và đặt câu hỏi có nội dung như sau:
 - + Nhận định về triển vọng nền kinh tế Việt Nam năm 2024 và những điểm mới trong chiến lược kinh doanh của Ngân hàng năm 2024 và 03 năm tới.
 - + Đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024; kết quả kinh doanh cập nhật đến quý I/2024.
 - + Đánh giá mức độ ảnh hưởng của những sự thay đổi của Luật Các tổ chức tín dụng mới (có hiệu lực từ 01/7/2024) và Luật Kinh doanh bảo hiểm (có hiệu lực từ 01/01/2023) đối với hoạt động kinh doanh của ACB.
 - + Vấn đề kiểm soát nợ xấu.
 - + Tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu và kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 2024 – 2025.
 - + Kế hoạch phát triển của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) và định hướng về việc chuyển nhượng một phần vốn của ACBS.
 - + Kế hoạch mua bán, sáp nhập, và mở rộng mạng lưới chi nhánh ra nước ngoài.
 - + Kế hoạch triển khai ESG (bộ tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp).
 - + Giải pháp quản lý rủi ro trước tình trạng lừa đảo chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng hiện nay.
 - + Đẩy nhanh tiến độ chi trả cổ tức.
- Chủ tọa đoàn đã trả lời đầy đủ các câu hỏi của cổ đông.

6. Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông cập nhật số lượng cổ đông tham dự Đại hội.

Vào lúc 10 giờ 35 phút, tổng số cổ đông dự họp và được ủy quyền dự họp là 860 cổ đông, đại diện cho 2.583.021.283 cổ phần, tương ứng với 66,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

7. Cổ đông biểu quyết về 08 vấn đề tại Mục II.3 bằng tờ biểu quyết.

8. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết về 08 vấn đề.

(Biên bản kiểm phiếu 08 vấn đề tại mục II.3 đính kèm.)

10. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

10.1 Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

10.2 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 12%, ước đạt 805.050 tỷ đồng;

- Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 11%, ước đạt 593.779 tỷ đồng;
- Cho vay khách hàng tăng 14%, ước đạt 555.866 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 10%, ước đạt 22.000 tỷ đồng;
- Tỷ lệ nợ xấu (Nhóm 3 – Nhóm 5) dưới 2%.

10.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

10.4 Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 26/02/2024 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội và các báo cáo tài chính đăng trên trang thông tin điện tử www.acb.com.vn.)

10.5 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2023	20.067.999.654.032
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.023.265.787.253
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	16.044.733.866.779
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	15.521.753.316.140
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.737.329.129.760
4a	Quỹ DTBSVDL của ACB (3a x 5%)	776.087.665.807
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	1.552.175.331.614
4c	Quỹ của các công ty con	9.066.132.339
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	400.000.000.000
5	Lợi nhuận 2023 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	13.307.404.737.019
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	6.578.839.059.347
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2023 (5+6)	19.886.243.796.366
8	Vốn điều lệ ACB	38.840.503.580.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.884.050.358
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2023	3.884.050.358
11	Chia cổ tức năm 2023 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	9.710.125.898.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	10.176.117.898.366

- Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2024	22.000.000.000.000

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.400.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	17.600.000.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	16.645.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	3.040.000.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	400.000.000.000
5	Lợi nhuận 2024 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	14.560.000.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	10.176.117.898.366
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2024 (5+6)	24.736.117.898.366
8	Vốn điều lệ ACB	38.840.503.580.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.884.050.358
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2023 (15%)	582.607.554
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2024 (9+10)	4.466.657.912
12	Chia cổ tức năm 2024 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	11.166.644.782.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	13.569.473.116.366

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

10.6 Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

- Tăng mức vốn điều lệ từ 38.840.503.580.000 đồng lên 44.666.579.120.000 đồng (tăng thêm 5.826.075.540.000 đồng).
- Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 38.840.503.580.000 đồng lên 44.666.579.120.000 đồng.
- Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

10.7 Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2024 là 0,6% (không phải sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2024.

10.8 Thông qua việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu như sau:

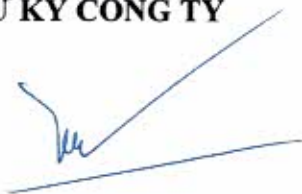
- Bổ sung vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các nghiệp vụ/ngành, nghề kinh doanh sau:
 - + Lưu ký chứng khoán.
 - + Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán năm 2019.
 - + Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.
- Bổ sung vào Điều 13 “Các hoạt động khác” của Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 29/6/2023 như sau:
 - + Nội dung khoản 13 hiện tại được chuyển xuống và sửa thành khoản 15: “Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.”
 - + Bổ sung khoản 13: “Lưu ký chứng khoán.”
 - + Bổ sung khoản 14: “Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán năm 2019.”
 - + Nội dung khoản 14 hiện tại “Các hoạt động khác theo quy định pháp luật” sẽ chuyển thành khoản 16.

10.9 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.) (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Ông Đàm Văn Tuấn đọc dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông biểu quyết về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
 Kết quả: Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp. (Biên bản kiểm phiếu Biên bản họp đính kèm.)
4. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tọa Chủ tọa đoàn, phát biểu bế mạc.
5. Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 35 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ LẬP BIÊN BẢN HỌP
THƯ KÝ CÔNG TY**



Phan Lạc Kim Trinh

**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 04/4/2024

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

Hôm nay ngày 04/4/2024, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 01/3/2024): 62.862 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.884.050.358 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.884.050.358 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 834 cổ đông, chiếm 1,33% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.573.899.543 cổ phần, chiếm 66,27% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.490.785.577 cổ phần, chiếm 96,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 83.113.966 cổ phần, chiếm 3,23% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

- + **Tán thành:** 647 cổ đông, chiếm 77,58% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.490.749.275 cổ phần, chiếm 96,77% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- + **Không có ý kiến:** 7 cổ đông, chiếm 0,84% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 36.302 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 04/4/2024.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trần Chí Dũng

Nguyễn Thị Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Hồng Tài



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Hôm nay, ngày 04/4/2024, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 01/3/2024): 62.862 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.884.050.358 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.884.050.358 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 860 cổ đông, chiếm 1,37% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.583.021.283 cổ phần, chiếm 66,50% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với các vấn đề như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.005.680 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.015.603 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 719 cổ đông, chiếm 83,60% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.581.972.493 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 18 cổ đông, chiếm 2,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 33.187 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.581.991.137 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.030.146 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 718 cổ đông, chiếm 83,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.581.915.012 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 19 cổ đông, chiếm 2,21% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 76.125 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.007.680 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.013.603 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 718 cổ đông, chiếm 83,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.581.616.055 cổ phần, chiếm 99,95% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 20 cổ đông, chiếm 2,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 391.625 cổ phần, chiếm 0,02% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

4. Phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.007.680 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.013.603 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 717 cổ đông, chiếm 83,37% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.575.896.928 cổ phần, chiếm 99,72% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 21 cổ đông, chiếm 2,44% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 6.110.752 cổ phần, chiếm 0,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.007.767 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.013.516 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 718 cổ đông, chiếm 83,49% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.575.901.643 cổ phần, chiếm 99,72% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 17.232 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 20 cổ đông, chiếm 2,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 6.088.892 cổ phần, chiếm 0,24% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.581.966.558 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.054.725 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 1.030, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 695 cổ đông, chiếm 80,81% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.575.141.464 cổ phần, chiếm 99,69% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 17.234 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 37 cổ đông, chiếm 4,30% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 6.806.830 cổ phần, chiếm 0,26% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

7. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.007.767 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.013.516 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 708 cổ đông, chiếm 82,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.575.312.834 cổ phần, chiếm 99,70% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 31 cổ đông, chiếm 3,60% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 6.694.933 cổ phần, chiếm 0,26% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

8. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.582.007.080 cổ phần, chiếm 99,96% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 1.014.203 cổ phần, chiếm 0,04% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 700 cổ đông, chiếm 81,40% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.574.949.548 cổ phần, chiếm 99,69% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 2 cổ đông, chiếm 0,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 326.755 cổ phần, chiếm 0,01% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 34 cổ đông, chiếm 3,95% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 6.730.777 cổ phần, chiếm 0,26% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023;
4. Phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;
7. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
8. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 04/4/2024.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU




Hà Văn Sơn



Nguyễn Thu Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Nguyễn Hồng Tâm



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 04/4/2024

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU VỀ BIÊN BẢN HỌP

Hôm nay ngày 04/4/2024, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Số lượng cổ đông dự họp:

1. Tổng số lượng cổ đông có quyền dự họp (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 01/3/2024): 62.862 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 3.884.050.358 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.884.050.358 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 860 cổ đông, chiếm 1,37% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 2.583.021.283 cổ phần, chiếm 66,50% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết đối với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 2.503.974.675 cổ phần, chiếm 96,94% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: 79.046.608 cổ phần, chiếm 3,06% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số thẻ không hợp lệ: 0, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + **Tán thành:** 665 cổ đông, chiếm 77,33% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.503.956.206 cổ phần, chiếm 96,94% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không tán thành:** 1 cổ đông, chiếm 0,12% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 8.403 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + **Không có ý kiến:** 8 cổ đông, chiếm 0,93% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 10.066 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ngày 04/4/2024.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trần Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thị Nhật Huyền

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Hồng Tấn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 29/02/2024 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 04 tháng 4 năm 2024.
- Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024****Điều 1. Vấn đề biểu quyết.**

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;
8. Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
9. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 2. Tờ biểu quyết.

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết. 03 Tờ biểu quyết này có 10 Thẻ biểu quyết tương ứng với 10 vấn đề cần biểu quyết:
 - 1.1. Tờ biểu quyết thứ nhất:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề *Quy chế biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*
 - 1.2. Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 08 Thẻ biểu quyết tương ứng với 08 vấn đề, cụ thể như sau:

 - (1) Thẻ biểu quyết về *Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;*
 - (2) Thẻ biểu quyết về *Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023;*
 - (3) Thẻ biểu quyết về *Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023;*
 - (4) Thẻ biểu quyết về việc *Phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024;*

- (5) Thẻ biểu quyết về *Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm*;
- (6) Thẻ biểu quyết về *Mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024*;
- (7) Thẻ biểu quyết về việc *Bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu*;
- (8) Thẻ biểu quyết về việc *Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu*.

1.3. Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024*.

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

- Ngày đại hội, kỳ đại hội;
 - Họ và tên cổ đông;
 - Số cổ phần sở hữu;
 - Số phiếu biểu quyết;
 - Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);
 - Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề biểu quyết.
 - Các nội dung khác (nếu có).
3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức và nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.
 4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

Điều 3. Cách thức biểu quyết.

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [☒].
 - a. Trường hợp thay đổi ý kiến thì:
 - + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [ⓧ] và
 - + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [☒].
 - b. Trường hợp chọn lại ô đã khoanh tròn thì:
 - + Tô đen ô khoanh tròn đó [●].
2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ nếu:
 - a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; hoặc

- b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; hoặc
 - c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); hoặc
 - d. Tờ biểu quyết không do Ban tổ chức đại hội cổ đông phát hành; hoặc
 - đ. Tờ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
 4. Ban kiểm phiếu thu Tờ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề.

1. Đối với việc biểu quyết về (i) *phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm*, và (ii) *bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu*, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề nêu tại Điều 1 sẽ được lập thành Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp thường niên ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 với các chỉ tiêu tài chính tín dụng (hợp nhất) trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 12%, ước đạt 805.050 tỷ đồng;
- Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 11%, ước đạt 593.779 tỷ đồng;
- Cho vay khách hàng tăng 14%, ước đạt 555.866 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế tăng 10%, ước đạt 22.000 tỷ đồng;
- Tỷ lệ nợ xấu (Nhóm 3 – Nhóm 5) dưới 2%.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 29/02/2024.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 04/4/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

1 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.

1.1 Bối cảnh hoạt động ngân hàng.

Nói chung, kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2023 là ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm ước đạt 5,05%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,25%. Thu ngân sách Nhà nước vượt khoảng 8,12% so với dự toán. Nợ công và bội chi ngân sách Nhà nước được kiểm soát trong giới hạn cho phép. Thị trường tiền tệ và ngoại hối về cơ bản là ổn định, mặt bằng lãi suất giảm.¹

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã bám sát diễn biến thị trường, tình hình trong nước và quốc tế để điều chỉnh chính sách tiền tệ - tín dụng, thực hiện đồng bộ các công cụ và giải pháp, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Đến ngày 31/12/2023, tín dụng cho nền kinh tế tăng 13,78% so với cuối năm 2022, và huy động tiền gửi tăng 14,22%, là mức tiền gửi cao nhất trong lịch sử ngành ngân hàng.²

1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của ACB năm 2023.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đó, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô vốn và tài sản, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, và tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn.

1.2.1 Tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận

Các hạng mục	Quy mô (ngàn tỷ đồng)	Mức tăng (ngàn tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng (%)	Thực hiện / Kế hoạch (%)
Tổng tài sản (i)	719	110,92	18,25	107
Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá (ii)	535	76,86	16,77	108
Cho vay khách hàng (iii)	488	73,90	17,86	98
Vốn chủ sở hữu	71	12,52	21,42	-
Tổng lợi nhuận trước thuế (iv)	20,068	2,954	17	100

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

² Theo thông tin công bố của NHNN.

(i) Các khoản mục trong bảng tổng kết tài sản tiếp tục tăng trưởng ổn định.

(ii) Trong năm 2023, ACB đã phát hành thành công 33.650 tỷ đồng giấy tờ có giá (bao gồm 18.900 tỷ đồng trái phiếu và 14.750 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi), có kỳ hạn bình quân 1,56 năm. Tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

(iii) Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân tăng 50 ngàn tỷ đồng, tương đương 18,43%.

(iv) Kế hoạch lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023: 20.058 tỷ đồng.

1.2.2 Các chỉ số hoạt động.

Các chỉ số	2023	2022
Chi phí hoạt động / thu nhập (%)	33	40
Tỷ lệ nợ nhóm 2 – nhóm 5 (%)	1,86	1,30
Tỷ lệ nợ nhóm 3 – nhóm 5 (%)	1,21	0,74
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	91	159

1.2.3 Các chỉ số hiệu quả.

Các chỉ số	2023	2022
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (%)	2,42	2,41
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	24,80	26,49

1.2.4 Tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được ACB giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Các giới hạn và tỷ lệ này được duy trì ổn định trong năm 2023 và tại ngày 31/12/2023 có giá trị như sau:

Các tỷ lệ	Giá trị	Quy định
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (%) (v)	12,48	Tối thiểu 8
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	16,67	Tối thiểu 10
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn (%)	17,30	Tối đa 30
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	78,14	Tối đa 85

Các giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Nằm trong giới hạn.
----------------------------------------------------------	---------------------

(v) Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được duy trì trên mức 10% tại mọi thời điểm trong năm.

1.3 Thực hiện nghị quyết năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông.

Các nghị quyết được thực hiện đầy đủ. Các chỉ tiêu tài chính tín dụng trọng yếu thực hiện thành công như kế hoạch (nêu ở phần 1.2.1). Việc chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu và tiền mặt được hoàn thành trong thời hạn quy định. Cổ tức được thanh toán vào ngày 12/6/2023, hai tháng sau ngày đại hội cổ đông thường niên (13/4/2023.) Tài khoản chứng khoán của cổ đông được ghi có vào ngày 30/6/2023.

1.4 Công tác quản trị.

1.4.1 Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 đã họp một lần và lấy ý kiến bằng văn bản bốn lần; Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 đã họp năm lần và lấy ý kiến bằng văn bản bảy lần; và ban hành tổng cộng 64 quyết định và nghị quyết liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động trọng yếu, tổ chức bộ máy và nhân sự cấp quản lý. Các báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng và cả năm được thực hiện đầy đủ và báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược và Ủy ban Đầu tư.

1.4.2 Ủy ban Quản lý rủi ro.

Ủy ban Quản lý rủi ro, đến cuối năm 2023, có chín thành viên, trong đó có năm thành viên Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức năm phiên họp định kỳ, qua đó thảo luận các hành động nhằm tăng cường công tác quản lý bảy loại rủi ro trọng yếu (bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro danh tiếng); đã chỉ đạo, giám sát việc thực thi và tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của NHNN, các chính sách quản lý rủi ro, khâu vị rủi ro cũng như các hạn mức và giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động.

1.4.3 Ủy ban Nhân sự.

Ủy ban Nhân sự có bảy thành viên, trong đó có năm thành viên Hội đồng quản trị.

Ủy ban Nhân sự, trong năm 2023, đã phê duyệt hoặc trình Hội đồng quản trị phê duyệt một số nội dung thuộc các lĩnh vực sau: (i) Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm: Điều chỉnh, bổ sung thành viên các hội đồng trực thuộc Tổng giám đốc. Bổ nhiệm và tái bổ nhiệm nhân sự cấp quản lý, trong đó có việc tái bổ nhiệm một Phó Tổng giám đốc; bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB, bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB. (ii) Cơ cấu tổ chức: Phê duyệt điều chỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ

cấu tổ chức của các hội đồng trực thuộc Tổng giám đốc, Khối Công nghệ thông tin, Khối Khách hàng cá nhân, Khối Thị trường tài chính, Khối Vận hành, và Phòng Quản trị truyền thông và thương hiệu. (iii) Chính sách nhân sự: Thông qua nguyên tắc phân bổ ngân sách nhân sự và điều chỉnh thu nhập, phúc lợi năm 2023, và nguyên tắc giao, ghi nhận, đánh giá và thưởng hoàn thành công việc.

1.4.4 Ủy ban Chiến lược.

Ủy ban Chiến lược có sáu thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, Ủy ban Chiến lược chỉ đạo triển khai chiến lược 2019 – 2024 thông qua các cuộc họp với Văn phòng Quản lý chuyển đổi và các đơn vị liên quan khác để rà soát tiến độ, phương pháp tiếp cận, cũng như hiệu quả triển khai của các dự án chiến lược. Một công tác trọng tâm của Ủy ban Chiến lược là thúc đẩy chuyển đổi số trong khuôn khổ chiến lược chuyển đổi số ngành ngân hàng, ứng dụng công nghệ mới trong quản trị điều hành, và cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hướng tự động hóa quy trình, tối ưu hóa hoạt động nghiệp vụ.

1.4.5 Ủy ban Đầu tư.

Ủy ban Đầu tư có năm thành viên, trong đó có bốn thành viên Hội đồng quản trị.

Ủy ban Đầu tư, trong năm 2023, tiếp tục định hướng đầu tư cho các công ty con, giám sát hiệu quả hoạt động đầu tư của Tập đoàn và thoái vốn các khoản đầu tư cũ.

1.4.6 Thù lao và thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

(Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, phần Thuyết minh, mục 44 “Giao dịch với các bên liên quan.”)

1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành.

Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Ban điều hành đã thực thi tốt kế hoạch kinh doanh năm 2023: tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận tăng trưởng như kế hoạch, theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2019 – 2024.
- Hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ được củng cố và vận hành một cách hiệu quả; một số công cụ quản lý rủi ro vận hành mới được xây dựng nhằm phát hiện và ngăn ngừa vi phạm quy định nội bộ; và quy định của pháp luật cũng như quy định nội bộ được tuân thủ.
- Mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh.
- Nguồn nhân lực được tuyển dụng, đào tạo, đáp ứng nhu cầu hoạt động; có cơ chế tạo động lực gắn kết nhân viên và thực hiện mục tiêu.
- Hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an toàn trong vận hành và giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành.

2 PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024.

2.1 Môi trường kinh doanh ngân hàng năm 2024.

Trong năm 2024, nền kinh tế trong nước dự kiến vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức khi cầu thế giới chưa phục hồi mạnh. Với các giải pháp và chính sách của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn trên nhiều thị trường, như bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, v.v., thì dự kiến tăng trưởng kinh tế năm 2024 có thể phục hồi. Chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 2024, Quốc hội giao cho Chính phủ là 6,0 - 6,5%;³ trong khi đó, theo dự báo của một số tổ chức quốc tế, tốc độ tăng sẽ ở trong khoảng 5,5 - 6,5%.⁴

NHNN sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động và linh hoạt, và phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân ở mức khoảng 4 - 4,5%. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế năm 2024 là khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.⁵

2.2 Phương hướng hoạt động.

Trong môi trường kinh doanh nói trên, với kỳ vọng về khả năng sớm phục hồi sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp, và nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của khu vực hộ gia đình, Hội đồng quản trị nhận định, phương hướng hoạt động năm 2024 sẽ là: Tăng trưởng tín dụng cả năm với mức tăng được NHNN giao và phù hợp với điều kiện thị trường; Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng; Cải thiện tỷ trọng thu nhập từ phí trên doanh thu; Phát triển nghiệp vụ ngân hàng theo hướng cho phép khách hàng có thể thực hiện trên môi trường số và gia tăng số lượng giao dịch của khách hàng qua các kênh số; và Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và trải nghiệm khách hàng.

2.3 Chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu.

Hội đồng quản trị phê duyệt đề xuất của Ban điều hành, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2024 như sau:

	Chỉ tiêu hợp nhất	Ước đạt	Tốc độ tăng (So với năm 2023)
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	805.050	12%
2	Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá (tỷ đồng)	593.779	11%

³ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024.

⁴ Tài liệu Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành ngân hàng năm 2024, ngày 08/01/2024.

⁵ Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2024.

3	Cho vay khách hàng (tỷ đồng)	555.866	14% ⁶
4	Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	22.000	10%
5	Tỷ lệ nợ xấu (N3 – N5) ⁷	<2%	-

3 KIẾN NGHỊ

Tóm lại, trong năm 2023, ACB đã đạt được kết quả hoạt động khả quan: tổng tài sản có mức tăng trưởng cao, có cơ cấu phù hợp và các khoản mục tài sản có chất lượng; lợi nhuận thực hiện như kế hoạch; quy định của pháp luật và của NHNN được tuân thủ chặt chẽ; và nhiều mặt hoạt động của ACB được củng cố và nâng cao. Bước sang năm 2024, dự báo nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn, nhưng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và nhân viên sẽ tiếp tục nỗ lực xây dựng ACB phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho cổ đông và các bên liên quan khác.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và các chỉ tiêu tài chính tín dụng chủ yếu năm 2024.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ^{luat}
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

⁶ Đây là mức tăng trưởng tín dụng mà ACB cho là phù hợp với tình hình thị trường, đồng thời tuân thủ hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 được NHNN giao theo CV số 10167/NHNN-CSTT ngày 31/12/2023.

⁷ Tỷ lệ nợ xấu của ACB cuối năm 2023 là 1,21%.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát ngày 29/02/2024.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát có 06 phiên họp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Các phiên họp đều có quyết nghị, được lập thành biên bản gửi đến từng thành viên để thực hiện và thông báo HĐQT để biết.
(Phiên họp ngày 13/4/2023; ngày 18/5/2023; ngày 06/7/2023; ngày 22/9/2023; ngày 30/11/2023; ngày 20/02/2024).
- Ngoài ra Ban Kiểm soát còn tổ chức họp và trao đổi các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ phục vụ cho mục đích giám sát, kiểm soát của Ban theo yêu cầu phát sinh.

2. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

a. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp về các biện pháp quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo định hướng và mục tiêu an toàn hoạt động; nâng cao năng lực

quản trị điều hành và tính minh bạch trong hoạt động Ngân hàng; xử lý nợ theo Nghị quyết 42 của Quốc hội; tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13 và các quy định Nhà nước; ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng; áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vốn (theo Thông tư 41); hoàn thành Basel III, thiết lập mô hình ba tuyến phòng thủ.

- Hoạt động kinh doanh Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng, đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân theo mô hình kinh doanh đa dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; chú trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, trích dự phòng rủi ro; Cơ cấu nợ theo quy định Ngân hàng Nhà nước; Tiết giảm chi phí điều hành, ...
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua (1) Giám sát thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát; ... liên quan đến việc thực hiện các chính sách tiền tệ, tín dụng, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị rủi ro; (2) Giám sát việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, trích dự phòng rủi ro, tích cực xử lý nợ xấu,...; (3) Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; (4) Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chỉ tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; (5) Giám sát hoạt động kinh doanh đại lý bảo hiểm, hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp (theo văn bản của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng).

c. Kết quả giám sát

- Trong năm 2023 HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo và điều hành hoạt động ACB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Tuân thủ các quy định của Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng trong quản trị và điều hành.
- ACB hoạt động an toàn và hiệu quả, đạt tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Cơ cấu nợ cho các khách hàng theo quy định NHNN.
- ACB đã thực hiện quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Về quản trị rủi ro, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược, các chính sách quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro trọng yếu. Việc giám sát cấp cao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành thông qua hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro thuộc Ban Điều hành (đáp ứng yêu cầu Thông tư 13). Hoàn thành các tiêu chuẩn về quản trị rủi ro theo Basel III.

3. Hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được lập và báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ngân hàng Nhà nước.

- Trong năm 2023, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán năm và các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu, bao gồm: kiểm toán hoạt động của 86 chi nhánh và phòng giao dịch; kiểm toán các hoạt động, các quy trình, đơn vị thuộc Hội sở có phát sinh rủi ro và có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng, bao gồm 12 chuyên đề và các yêu cầu kiểm toán/ kiểm tra ngoài kế hoạch của Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị về công tác giám sát của quản lý cấp cao; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm.
- Các kiến nghị kiểm toán được các bên có liên quan tổ chức thực hiện.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023, Báo cáo tài chính cả năm 2023 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Các công việc khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra kế hoạch chi phí được duyệt theo thẩm quyền.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban điều hành ban hành để tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng nhà nước.
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự các hội nghị, các yêu cầu dự họp của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.
- Thực hiện cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát, Ngân hàng nhà nước, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

6. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và

Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).

- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2023 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ ngân hàng, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. Nhân xét về báo cáo tài chính

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007, Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

b. Về tài sản và nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.909.300
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18.504.814
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	114.923.931
<i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>	<i>(50.000)</i>
Chứng khoán kinh doanh	7.323.489
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(146.420)</i>
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-
Cho vay khách hàng	487.601.852

<i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	(5.366.952)
Chứng khoán đầu tư	73.463.347
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	-
Góp vốn đầu tư dài hạn	303.387
<i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	(163.362)
Tài sản cố định	4.762.561
Bất động sản đầu tư	177.005
Tài sản Có khác	10.551.637
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	718.794.589
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	88
Tiền gửi và vay các TCTD khác	89.506.662
Tiền gửi của khách hàng	482.702.731
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.126
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	41.534
Phát hành giấy tờ có giá	52.410.014
Các khoản nợ khác	23.060.473
Vốn và các quỹ	50.669.718
<i>Trong đó: + Vốn điều lệ</i>	<i>38.840.504</i>
+ <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>271.779</i>
+ <i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>-</i>
+ <i>Quỹ của Tổ chức tín dụng</i>	<i>11.557.435</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	20.286.243
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	718.794.589

c. Về thu nhập và chi phí

ĐVT: Triệu đồng

THU NHẬP (1)	62.491.002
Thu nhập từ lãi	52.346.796
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.945.751

Thu nhập từ hoạt động khác	1.197.217
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	75.610
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.110.105
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	168.383
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.647.140
CHI PHÍ (2)	42.423.003
Chi phí trả lãi	27.387.226
Chi phí hoạt động dịch vụ	2.023.414
Chi phí hoạt động khác	333.846
Chi phí quản lý chung	10.874.286
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.804.231
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1) - (2)	20.067.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	4.023.266
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	16.044.733

2. Đánh giá tình hình thực hiện các NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên (2023)

a. Kết quả hoạt động kinh doanh theo NQ Đại hội đồng cổ đông

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch (theo NQ ĐHĐCD)	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch (%)
Tổng tài sản	Tăng 10% so với 2022 (tương ứng 668.788 tỷ)	718.795	107,5%
Dư nợ	Tăng 9,7% so với 2022 (tương ứng 453.836 tỷ)	487.602	107,5%
Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá)	Tăng 8,1% so với 2022 (tương ứng 495.411 tỷ)	535.113	108%
Lợi nhuận trước thuế	20.058	20.068	100%
Hệ số An toàn vốn	>9%	12,5%	-
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	1,21%	-

- Tổng tài sản: 718.795 tỷ đồng, đạt 107,5% kế hoạch.
- Huy động vốn (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá): 535.113 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch, trong đó:
 - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (72%), tăng 50.775 tỷ đồng so với năm 2022.
 - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 18%, tăng 17.975 tỷ đồng so với năm 2022.
 - Phát hành giấy tờ có giá tăng 8.106 tỷ đồng so với năm 2022.
- Tổng dư nợ tín dụng: 487.602 tỷ đồng, đạt 107,5% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5): 1,21% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế: 20.068 tỷ đồng, tăng 2.954 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2022, đạt 100% kế hoạch.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

III. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát:

- Kinh phí hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:
 - + Thù lao Ban Kiểm soát : 9.990 triệu đồng.
 - + Chi phí về hành chánh, quản lý khác: 861 triệu đồng.

Mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua.

- Thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát theo Tờ trình về mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính trình đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HUỶNH NGHĨA HIỆP

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1245 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 26/02/2024 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	6.909.295	8.460.883
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	18.504.709	13.657.531
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	111.175.983	85.689.411
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		110.121.654	81.311.460
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.104.329	4.427.951
3 Dự phòng rủi ro	6.3	(50.000)	(50.000)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	5.879.766	644.059
1 Chứng khoán kinh doanh	7.1	5.879.766	644.059
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	100.072
VI Cho vay khách hàng	9	476.062.518	405.441.889
1 Cho vay khách hàng		481.276.138	410.153.319
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(5.213.620)	(4.711.430)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	73.463.347	75.534.794
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		44.903.768	31.854.915
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		28.559.579	43.679.879
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	4.583.105	3.589.894
1 Đầu tư vào công ty con	11.2	4.505.000	3.505.000
4 Đầu tư dài hạn khác	11.3	241.467	241.467
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.4	(163.362)	(156.573)
X Tài sản cố định	12	4.680.080	3.904.151
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.251.505	2.784.691
a Nguyên giá tài sản cố định		6.096.640	5.380.128
b Hao mòn tài sản cố định		(2.845.135)	(2.595.437)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.428.575	1.119.460
a Nguyên giá tài sản cố định		2.035.730	1.652.719
b Hao mòn tài sản cố định		(607.155)	(533.259)
XII Tài sản Có khác	13	10.456.118	9.937.263
1 Các khoản phải thu	13.1	5.387.459	4.920.223
2 Các khoản lãi, phí phải thu		4.203.937	4.061.377
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.2	33.535	63.966
4 Tài sản Có khác	13.3	1.003.880	1.062.633
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.4	(172.693)	(170.936)
TỔNG TÀI SẢN		711.714.921	606.959.947

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	14	88
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		88
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	84.315.730
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		80.745.540
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		3.570.190
III	Tiền gửi của khách hàng	16	483.649.253
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	117.126
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	17	41.534
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	52.392.403
VII	Các khoản nợ khác		21.947.038
1	Các khoản lãi, phí phải trả		7.666.244
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	14.280.794
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		642.463.172
VIII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	69.251.749
1	Vốn của tổ chức tín dụng		39.112.283
a	Vốn điều lệ		38.840.504
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779
2	Quý của tổ chức tín dụng		11.119.536
5	Lợi nhuận chưa phân phối		19.019.930
a	Lợi nhuận năm nay		13.193.492
b	Lợi nhuận lũy kế năm trước		5.826.438
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		69.251.749
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		711.714.921

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND	
1	Bảo lãnh vay vốn	37.1	42.766	55.386
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37.1	134.953.935	62.044.742
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		1.527.131	946.516
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		704.551	1.178.698
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		132.722.253	59.919.528
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37.1	2.183.846	2.777.938
5	Bảo lãnh khác	37.1	11.922.874	9.579.729
6	Các cam kết khác	37.1	14.410.228	6.490.910
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38	1.204.623	1.168.237
8	Nợ khó đòi đã xử lý	39	7.284.513	6.646.701
9	Tài sản và chứng từ khác	40	757.357	721.250

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiên Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật



Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HĐQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	51.763.519	40.193.091
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(27.353.221)	(17.086.337)
I Thu nhập lãi thuần		24.410.298	23.106.754
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	4.615.554	4.690.843
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.930.477)	(1.433.136)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		2.685.077	3.257.707
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	1.109.601	1.047.204
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	15.499	(48.381)
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	2.647.140	20.470
5 Thu nhập từ hoạt động khác		1.069.406	1.023.362
6 Chi phí hoạt động khác		(268.748)	(158.543)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	28	800.658	864.819
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	63.720	108.442
VIII Chi phí hoạt động	30	(10.514.870)	(11.261.725)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		21.217.123	17.095.290
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(1.783.020)	(73.443)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		19.434.103	17.021.847
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.1	(3.881.918)	(3.402.934)
8 (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.2	(30.431)	19.596
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(3.912.349)	(3.383.338)
XIII Lợi nhuận sau thuế		15.521.754	13.638.509







Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HĐQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	51.620.959	39.264.763
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(25.142.880)	(16.056.860)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.120.506	3.257.707
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	3.772.240	975.249
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(73.263)	74.436
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	872.746	786.804
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(10.251.221)	(10.495.913)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(3.930.009)	(1.483.088)
		<hr/>	<hr/>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		18.989.078	16.323.098
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.323.622	2.228.995
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(2.928.370)	(6.476.409)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	100.072	126.473
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(71.122.820)	(54.245.011)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(1.280.830)	(1.031.413)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	7.061	(1.933.248)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(505.788)	505.876
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16.996.899	14.931.430
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	67.895.066	35.353.149
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	8.099.170	14.107.650
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(18.654)	(25.878)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.126	-
21	(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(1.836.978)	1.575.467
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.500)	(201.463)
		<hr/>	<hr/>
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	37.833.154	21.238.716

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.243.832)	(461.955)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.618	3.603
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(1.000.000)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	57.851
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	126.169	75.377
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(2.114.045)	(325.124)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(3.377.435)	-
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		(3.377.435)	-
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		32.341.674	20.913.592
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM		103.429.874	82.516.282
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM		33.195.771.548	103.429.874



Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng



Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật



Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HDQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	6.909.300	8.460.892
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	18.504.814	13.657.531
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	114.873.931	85.971.313
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		114.644.002	82.338.762
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		279.929	3.682.551
3 Dự phòng rủi ro	6.3	(50.000)	(50.000)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	7.177.069	1.131.327
1 Chứng khoán kinh doanh		7.323.489	1.320.941
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	7.4	(146.420)	(189.614)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	100.072
VI Cho vay khách hàng	9	482.234.900	408.856.508
1 Cho vay khách hàng		487.601.852	413.706.244
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(5.366.952)	(4.849.736)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	73.463.347	75.534.794
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	44.903.768	31.854.915
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.1	28.559.579	43.679.879
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	140.025	146.814
4 Đầu tư dài hạn khác	11.2	303.387	303.387
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.3	(163.362)	(156.573)
X Tài sản cố định	12	4.762.561	3.981.376
1 Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.317.568	2.849.732
a Nguyên giá tài sản cố định		6.256.911	5.523.787
b Hao mòn tài sản cố định		(2.939.343)	(2.674.055)
3 Tài sản cố định vô hình	12.2	1.444.993	1.131.644
a Nguyên giá tài sản cố định		2.101.677	1.709.488
b Hao mòn tài sản cố định		(656.684)	(577.844)
XI Bất động sản đầu tư	13	177.005	177.005
a Nguyên giá bất động sản đầu tư		177.005	177.005
b Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII Tài sản Có khác	14	10.551.637	9.857.553
1 Các khoản phải thu	14.1	5.316.951	4.756.992
2 Các khoản lãi, phí phải thu		4.282.669	4.089.550
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14.2	33.722	63.966
4 Tài sản Có khác	14.3	1.117.080	1.143.212
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(198.785)	(196.167)
TỔNG TÀI SẢN		718.794.589	607.875.185

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	15	88	505.876
1 Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		88	505.876
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	89.506.662	67.840.840
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		80.719.473	60.002.732
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		8.787.189	7.838.108
III Tiền gửi của khách hàng	17	482.702.731	413.952.789
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	117.126	-
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	41.534	60.188
VI Phát hành giấy tờ có giá	19	52.410.014	44.304.367
VII Các khoản nợ khác		23.060.473	22.772.462
1 Các khoản lãi, phí phải trả		7.682.185	5.564.271
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20	15.378.288	17.208.191
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		647.838.628	549.436.522
VIII VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	70.955.961	58.438.663
1 Vốn của tổ chức tín dụng		39.112.283	34.046.130
a Vốn điều lệ		38.840.504	33.774.351
c Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		11.557.435	9.220.125
5 Lợi nhuận chưa phân phối		20.286.243	15.172.408
a Lợi nhuận năm nay		13.707.404	11.632.365
b Lợi nhuận lũy kế năm trước		6.578.839	3.540.043
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		70.955.961	58.438.663
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		718.794.589	607.875.185

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Tại ngày		
		31.12.2023 Triệu VND	31.12.2022 Triệu VND	
1	Bảo lãnh vay vốn	39.1	42.766	55.386
2	Cam kết giao dịch hối đoái	39.1	134.953.935	62.044.742
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		1.527.131	946.516
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		704.551	1.178.698
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		132.722.253	59.919.528
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.1	2.183.846	2.777.938
5	Bảo lãnh khác	39.1	11.922.874	9.579.729
6	Các cam kết khác	39.1	14.410.228	6.490.910
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	1.207.526	1.170.894
8	Nợ khó đòi đã xử lý	41	7.378.302	6.757.296
9	Tài sản và chứng từ khác	42	1.004.858	968.751

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HĐQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	52.346.796	40.698.834
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(27.387.226)	(17.165.305)
I Thu nhập lãi thuần		24.959.570	23.533.529
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	4.945.751	5.057.559
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(2.023.414)	(1.531.315)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		2.922.337	3.526.244
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	1.110.105	1.048.369
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	168.383	(387.873)
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	2.647.140	20.648
5 Thu nhập từ hoạt động khác		1.197.217	1.110.494
6 Chi phí hoạt động khác		(333.846)	(120.800)
VI Lãi thuần từ hoạt động khác	29	863.371	989.694
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	75.610	59.456
VIII Chi phí hoạt động	31	(10.874.286)	(11.605.045)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		21.872.230	17.185.022
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(1.804.231)	(70.814)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		20.067.999	17.114.208
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	(3.993.022)	(3.445.611)
8 (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	(30.244)	19.596
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33	(4.023.266)	(3.426.015)
XIII Lợi nhuận sau thuế		16.044.733	13.688.193
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	4.092	3.486

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiến Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HĐQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	52.153.677	39.781.160
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(25.262.835)	(16.232.032)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.357.768	3.526.244
04	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	3.882.434	797.113
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(18.340)	152.049
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	880.179	786.804
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(10.567.861)	(10.817.313)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(4.003.037)	(1.580.115)
		<hr/>	<hr/>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		19.421.985	16.413.910
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	127.308	2.848.001
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(3.695.212)	(6.448.600)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	100.072	126.473
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(73.896.868)	(51.793.706)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(1.287.015)	(1.032.666)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(50.243)	(1.946.491)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(505.788)	505.876
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	21.665.822	13.446.901
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	68.749.941	34.032.121
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	8.099.170	13.749.900
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(18.654)	(25.878)
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.126	-
21	(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(1.689.943)	1.600.161
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.500)	(201.463)
		<hr/>	<hr/>
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	37.136.201	21.274.539

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

	Thuyết minh	Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.276.249)	(511.513)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.038	4.741
05	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư	-	85.364
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(10.520)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	6.451
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	74.955	59.599
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(1.197.256)	(365.878)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức đã trả cho các cổ đông, lợi nhuận đã chia	(3.377.435)	-
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(3.377.435)	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	32.561.510	20.908.661
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	103.510.228	82.601.567
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	35 136.071.738	103.510.228

Dương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Từ Tiên Phát
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Đàm Văn Tuấn (*)
Thành viên Hội đồng Quản trị
Ngày 26 tháng 2 năm 2024

(*) Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 233/UQ - HĐQT.24 ngày 23 tháng 2 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 96 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng...;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HDQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2023	20.067.999.654.032
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.023.265.787.253
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	16.044.733.866.779
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	15.521.753.316.140
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	2.737.329.129.760
4a	Quỹ DTBSVĐL của ACB (3a x 5%)	776.087.665.807
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB (3a x 10%)	1.552.175.331.614
4c	Quỹ của các công ty con	9.066.132.339
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	400.000.000.000
5	Lợi nhuận 2023 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	13.307.404.737.019
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	6.578.839.059.347
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2023 (5+6)	19.886.243.796.366

8	Vốn điều lệ ACB	38.840.503.580.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.884.050.358
10	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2023	3.884.050.358
11	Chia cổ tức năm 2023 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	9.710.125.898.000
12	Lợi nhuận còn lại (7-11)	10.176.117.898.366

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB năm 2024	22.000.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.400.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	17.600.000.000.000
3a	Trong đó: Lợi nhuận sau thuế (ACB)	16.645.600.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	3.040.000.000.000
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	400.000.000.000
5	Lợi nhuận 2024 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	14.560.000.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	10.176.117.898.366
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2024 (5+6)	24.736.117.898.366
8	Vốn điều lệ ACB	38.840.503.580.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.884.050.358
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2023 (15%)	582.607.554
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2024 (9+10)	4.466.657.912
12	Chia cổ tức năm 2024 (25%: cổ phiếu 15%, tiền mặt 10%)	11.166.644.782.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	13.569.473.116.366

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Tăng mức vốn điều lệ từ 38.840.503.580.000 đồng lên 44.666.579.120.000 đồng (tăng thêm 5.826.075.540.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:
 - 2.1 Mục đích phát hành:

Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.
 - 2.2 Phương án phát hành:
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 38.840.503.580.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 15%. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 582.607.554 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 5.826.075.540.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: Không có.
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) tại thời điểm 31/12/2023): 19.886.243.796.366 đồng. Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: 5.826.075.540.000 đồng.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 4.466.657.912 cổ phiếu.
- Mức vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 44.666.579.120.000 đồng.
- Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: Quý 3 năm 2024.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2023.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm Tờ trình.)
- Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm Tờ trình.)

3. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
4. Niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Điều 2.** Thông qua việc thay đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 38.840.503.580.000 đồng lên 44.666.579.120.000 đồng.
- Điều 3.** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc tăng mức vốn điều lệ như sau:
- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
 - Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
 - Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
 - Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
 - Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.
- Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 5.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 04/4/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018; và Thông tư số 13/2023/TT-NHNN ngày 31/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức năm 2023 bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU.

1.1. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ.

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì các lý do sau:

- Thêm nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ của Ngân hàng;
- Thêm nguồn vốn để xây dựng văn phòng làm việc, cải tạo, sửa chữa, di dời trụ sở kênh phân phối; đầu tư vào các dự án chiến lược của Ngân hàng;
- Nâng cao năng lực tài chính, thích ứng với những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB.

1.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành cổ phiếu.

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2024 từ chia cổ tức bằng cổ phần phổ thông cho cổ đông với các chi tiêu cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| a. <u>Vốn điều lệ hiện tại:</u> | 38.840.503.580.000 đồng |
| Trong đó, | |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: | 3.884.050.358 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu ưu đãi cổ tức đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu ưu đãi biểu quyết đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ đến thời điểm hiện tại: | Không có |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2023: | 3.884.050.358 cổ phiếu |
| b. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ là lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG (Việt Nam) tại thời điểm 31/12/2023): | 19.886.243.796.366 đồng |
| Trong đó, số tiền để sử dụng chia cổ tức bằng cổ phiếu: | 5.826.075.540.000 đồng |
| c. <u>Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:</u> | |
| - Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: | 5.826.075.540.000 đồng |
| - Mệnh giá cổ phần: | 10.000 đồng/cổ phần |
| - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: | 582.607.554 cổ phiếu |
| d. <u>Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:</u> | |
| - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: | 4.466.657.912 cổ phiếu |
| - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: | 44.666.579.120.000 đồng |
| e. <u>Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ:</u> | Quý 3 năm 2024 |
| f. <u>Hình thức tăng vốn và phát hành:</u> Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia. | |
| g. <u>Đối tượng phát hành:</u> Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. | |

h. Tỷ lệ thực hiện quyền: 15% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

i. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.

j. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 95 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(95 * 0,15) = 14,25$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 14 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,25 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

1.3. Danh sách cổ đông.

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 1.)

1.4. Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. (Xin xem Phụ lục 2.)

2. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM.

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

3. KIẾN NGHỊ.

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông, phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ^{luuu}
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; và Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn;
- Phụ lục 2: Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Tờ trình ĐHCĐ ngày 29/02/2024 về phương án tăng vốn điều lệ)

I. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm hiện tại:	3.884.050.358
Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại:	3.884.050.358
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sau khi tăng vốn:	4.466.657.912
Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn:	4.466.657.912

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật				Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 19/02/2024)			Sau khi tăng vốn		
				Họ tên	Số thẻ CCCD/CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Alp Asia Finance (Vietnam) Limited là tổ chức sở hữu cổ phần gián tiếp thông qua hai công ty là cổ đông của ACB sau đây:	316580	94 Solaris Avenue, Camana Bay, PO Box 1348, Grand Cayman KY1-1108, Cayman Islands	Fai Hong Chan	MB0052440	01/7/2022	Macao SAR						
1	Sather Gate Investments Limited	1939129	Nerine Chambers, PO Box 905, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Michael John Lynam	PW6225882	02/3/2021	Dublin, Ireland	193.907.186	4,99%	4,99%	222.993.263	4,99%	4,99%
2	Whistler Investments Limited	1939103	Nerine Chambers, PO Box 905, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Paul Robert Anderson	628123734	06/5/2021	Jersey	193.907.186	4,99%	4,99%	222.993.263	4,99%	4,99%
Tổng cộng								387.814.372	9,98%	9,98%	445.986.526	9,98%	9,98%

II. Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:

Không có.

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

PHỤ LỤC 2

Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

(Đính kèm Tờ trình ĐHDCĐ ngày 29/02/2024 về phương án tăng vốn điều lệ)

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 3.884.050.358

Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 4.466.657.912

Stt	Tên cổ đông nước ngoài	Thời điểm hiện tại (Tính đến ngày 19/02/2024)		Sau khi tăng vốn	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Sather Gate Investments Limited	193.907.186	4,99%	222.993.263	4,99%
2	Whistler Investments Limited	193.907.186	4,99%	222.993.263	4,99%
3	Các cổ đông nước ngoài khác	777.396.735	20,02%	894.006.245	20,02%
	Tổng cộng	1.165.211.107	30,00%	1.339.992.771	30,00%

Ghi chú: Thông tin cổ đông và số cổ phần sở hữu trong Phụ lục này sẽ được cập nhật vào thời điểm trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2024 là 0,6% (không phẩy sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2024.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về cấp giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, ..., và các thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;
- Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-NHNN ngày 11/7/2023 về việc bổ sung nội dung hoạt động tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu như sau:

1. Bổ sung vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các nghiệp vụ/ngành, nghề kinh doanh sau:
 - Lưu ký chứng khoán.
 - Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán năm 2019.
 - Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.
2. Bổ sung vào Điều 13 “Các hoạt động khác” của Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 29/6/2023 như sau:
 - Nội dung khoản 13 hiện tại được chuyển xuống và sửa thành khoản 15: “Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.”

- Bổ sung khoản 13: “Lưu ký chứng khoán.”
- Bổ sung khoản 14: “Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán năm 2019.”
- Nội dung khoản 14 hiện tại “Các hoạt động khác theo quy định pháp luật” sẽ chuyển thành khoản 16.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. / *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng PC;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luat*
CHU TỌA



Trần Hùng Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Công văn số 2555/NHNN-TTGSNH ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của ACB; Nghị quyết số 944/TCQĐ-ĐHĐCĐ.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028; và Nghị quyết số 954/TCQĐ-HĐQT.23 ngày 13/4/2023 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/4/2024,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/4/2019 về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các đơn vị hữu quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu (sửa đổi, bổ sung.)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1250/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày 04 tháng 4 năm 2024

của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản.....	1
CHƯƠNG II	1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	1
Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	1
Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	5
CHƯƠNG III	5
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	5
Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	9
Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	9
Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	9
Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	10
Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty.....	10
Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty	10

CHƯƠNG IV	10
BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	10
Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	12
Điều 33. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	12
CHƯƠNG V	12
TỔNG GIÁM ĐỐC	12
Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc	12
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	12
Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc.....	12
Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc.....	12
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	13
Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	13
CHƯƠNG VI	13
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT.....	13
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	13
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	13
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc	13
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc.....	14
CHƯƠNG VII	14
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	14
Điều 43. Khen thưởng	14
Điều 44. Kỷ luật.....	14
CHƯƠNG VIII	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15
Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung.....	15

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 4250/TCQĐ-ĐHĐCĐ.24 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản

- Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
- Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất 31 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- b. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
2. Hình thức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp, hoặc họp trực tuyến, hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
 - b. Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua phương thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ tùy thân của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
3. Tài liệu họp sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Điều 7. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 6 Quy chế này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số giấy tờ tùy thân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung

và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;

- b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: (i) Thông tin bên ủy quyền (Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số giấy tờ tùy thân của cá nhân đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân); (ii) Số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; (iii) Thông tin bên được ủy quyền (họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số giấy tờ tùy thân). Bên ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của bên ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của bên ủy quyền.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

Điều 9. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Cổ đông biểu quyết về các vấn đề theo Quy chế biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
5. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến, hoặc bằng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và phổ biến cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên, chủ yếu gồm các nội dung sau đây:
 - a. Ngày tháng và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chương trình họp;
 - c. Họ tên chủ tọa và thư ký;
 - d. Tóm tắt các phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và những vấn đề còn tồn đọng;
 - f. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;
 - g. Tổng số phiếu về từng vấn đề; và
 - h. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại đại hội cổ đông.
3. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý, người điều hành.
5. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cho cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các đơn vị trong Ngân hàng.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan;
 - c. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - d. Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua;
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của Ngân hàng;
 - h. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại đại hội cổ đông.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - b. Có đạo đức nghề nghiệp;

- c. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
 - d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý, người điều hành hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
 - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;
 - e. Không phải là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn và chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
 - f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);
 - g. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
 - c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trường Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.

- a. Mỗi ủy ban phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
- b. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban.

Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 24. Tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn về thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
2. Ban kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
3. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người điều hành Ngân hàng;
5. Trường Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Có đạo đức nghề nghiệp.

Điều 29. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như cách thức đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 16 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
2. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;
3. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
4. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 32. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Các cuộc họp và việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 33. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
6. Tổng giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 36. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng sẽ ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

Điều 39. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Chương VI**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và, nếu thấy cần thiết, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến, nếu thấy cần thiết.
2. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc người quản lý, người điều hành khác chủ trì; người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Ngoài

các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến. Tổng giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.
2. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc, ngoài việc báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, cần báo cáo cho Trưởng Ban kiểm soát, nếu thấy cần thiết.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và Tổng giám đốc có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 44. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành

vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành kèm Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23/4/2019.
2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định. /

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Trần Hùng Huy